TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ ĐỒNG HỚI** **TỈNH QUẢNG BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2019/KDTM - ST
Ngày: 17 – 01 – 2019
V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐỒNG HỚI, TỈNH QUẢNG BÌNH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Mỹ Lệ

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Vòng

2. Bà Nguyễn Thị Ngân Hà

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết Minh - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Đồng Hới.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình tham gia phiên toà: Bà Dương Thị Hạnh, Kiểm sát viên.

Trong ngày 17 tháng 01 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 18/2018/TLST – KDTM ngày 18 tháng 5 năm 2018 về " *Tranh chấp hợp đồng tín dụng* " theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 105a/2018/QĐXXST-KDTM ngày 12 tháng 12 năm 2018; Quyết định hoãn phiên tòa số: 58/2018/QĐST – KDTM ngày 21 tháng 12 năm 2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Ngân hàng TMCP SCB; địa chỉ: Số 266-268 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường 8, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh; đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D – Tổng giám đốc; đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Thanh H – Giám đốc Ngân hàng TMCP SCB Chi nhánh QB; ủy quyền lại cho ông: Mai Thành L – Trưởng phòng kiểm soát rủi ro Ngân hàng TMCP SCB Chi nhánh QB; địa chỉ: Số 05 QT, thành phố H, tỉnh Quảng Bình. Có mặt.

2. *Bị đơn*: Công ty TNHH sản xuất và thương mại dịch vụ N; địa chỉ: Tổ dân phố 4, phường B, thành phố H, tỉnh Quảng Bình; đại diện theo pháp luật: Ông Hà Xuân L – Chủ tịch Công ty kiêm Giám đốc. Vắng mặt lần thứ hai.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

+ Ông Hà Xuân L, sinh năm: 1986; địa chỉ: Thôn T, xã N, huyện QN, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt lần thứ hai.

+ Bà Phan Thị D, sinh năm: 1987; địa chỉ: Thôn Q, xã N, huyện QN, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt lần thứ hai.

+ Ông Phan Mậu L, sinh năm: 1952 và bà Đoàn Thị L, sinh năm: 1955; địa chỉ: Thôn Q, xã N, huyện QN, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt lần thứ hai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 07/5/2018, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Công ty TNHH sản xuất và thương mại dịch vụ N đã ký kết Hợp đồng tín dụng với Ngân hành TMCP SCB số LD1710900421 ngày 19/04/2017 và Thỏa thuận sửa đổi, bổ sung Hợp đồng tín dụng số 01-LD1710900421 ngày 12/06/2017: Với hạn mức tín dụng là 800.000.000 đồng; dư nợ vay tính đến ngày 07/05/2018 là: 579.570.024 đồng. Mục đích bổ sung vốn kinh doanh. Với các Giấy nhận nợ cụ thể như sau:

- Giấy nhận nợ số: LD1716300356 ngày 12/06/2017: Số tiền vay: 250.000.000 đồng; Dư nợ vay tính đến ngày 07/05/2018 là: 250.000.000 đồng. Lãi suất 03 tháng đầu tiên: 9,5%/năm. Lãi suất kể từ tháng thứ 04 trở đi bằng lãi suất tiết kiệm 13 tháng trả lãi cuối kỳ của Sacombank + (cộng) biên độ 1,95%/năm và được Sacombank tự động điều chỉnh theo định kỳ 03 tháng một lần.Vào thời điểm 12/12/2017: lãi suất tiết kiệm 13 tháng trả lãi cuối kỳ của Sacombank là 7,6%/năm. Lãi suất của Giấy nhận nợ LD1716300356 kể từ ngày 12/12/2017 là: 9,55%/năm.

- Giấy nhận nợ số: LD1716700368 ngày 16/06/2017: Số tiền vay: 50.000.000 đồng; dư nợ vay tính đến ngày 07/05/2018 là: 50.000.000 đồng. Lãi suất 03 tháng đầu tiên: 9,5%/năm. Lãi suất kể từ tháng thứ 04 trở đi bằng lãi suất tiết kiệm 13 tháng trả lãi cuối kỳ của Sacombank + (cộng) biên độ 1,95%/năm và được Sacombank tự động điều chỉnh theo định kỳ 03 tháng một lần.Vào thời điểm 16/12/2017: lãi suất tiết kiệm 13 tháng trả lãi cuối kỳ của Sacombank là 7,6%/năm. Lãi suất của Giấy nhận nợ LD1716700368 kể từ ngày 12/12/2017 là: 9,55%/năm.

- Giấy nhận nợ LD1718000383 ngày 29/06/2017: Số tiền vay: 100.000.000 đồng; dư nợ vay tính đến ngày 07/05/2018 là: 100.000.000 đồng. Lãi suất 03 tháng đầu tiên: 9,5%/năm. Lãi suất kể từ tháng thứ 04 trở đi bằng lãi suất tiết kiệm 13 tháng trả lãi cuối kỳ của Sacombank + (cộng) biên độ 1,95%/năm và được Sacombank tự động điều chỉnh theo định kỳ 03 tháng một lần. Vào thời điểm 29/12/2017: lãi suất

tiết kiệm 13 tháng trả lãi cuối kỳ của Sacombank là 7,6%/năm. Lãi suất của Giấy nhận nợ LD1718000383 kể từ ngày 12/12/2017 là: 9,55%/năm.

- Giấy nhận nợ LD1712400511 ngày 04/05/2017: Số tiền vay: 130.000.000 đồng; dư nợ vay tính đến ngày 07/05/2018 là: 130.000.000 đồng. Lãi suất 03 tháng đầu tiên: 9,5%/năm. Lãi suất kể từ tháng thứ 04 trở đi bằng lãi suất tiết kiệm 13 tháng trả lãi cuối kỳ của Sacombank + (cộng) biên độ 2,2%/năm và được Sacombank tự động điều chỉnh theo định kỳ 03 tháng một lần. Vào thời điểm 04/11/2017: lãi suất tiết kiệm 13 tháng trả lãi cuối kỳ của Sacombank là 7,6%/năm. Lãi suất của Giấy nhận nợ LD1712400511 kể từ ngày 12/12/2017 là: 9,8%/năm.

- Giấy nhận nợ LD1711400389 ngày 24/04/2017: Số tiền vay: 50.000.000 đồng; dư nợ vay tính đến ngày 07/05/2018 là: 49.570.024 đồng. Lãi suất 03 tháng đầu tiên: 9,5%/năm. Lãi suất kể từ tháng thứ 04 trở đi bằng lãi suất tiết kiệm 13 tháng trả lãi cuối kỳ của Sacombank + (cộng) biên độ 2,2%/năm và được Sacombank tự động điều chỉnh theo định kỳ 03 tháng một lần. Vào thời điểm 24/10/2017: lãi suất tiết kiệm 13 tháng trả lãi cuối kỳ của Sacombank là 7,6%/năm. Lãi suất của Giấy nhận nợ LD1711400389 kể từ ngày 12/12/2017 là: 9,8%/năm.

Thời hạn vay của các giấy nhận nợ: Thời hạn của khoản cấp tín dụng cụ thể được xác định trong từng giấy nhận nợ (không vượt quá 09 tháng). Phương thức trả nợ: Trả lãi hàng tháng, gốc trả cuối kỳ (lãi trả ngày 15 hàng tháng). Để đảm bảo cho các khoản vay các tài sản thế chấp bảo đảm gồm:

Tài sản thứ nhất: Toàn bộ hiện trạng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, tại Phường BL, thành phố H, tỉnh Quảng Bình. Tài sản thuộc quyền sở hữu và sử dụng của Ông/Bà Hà Xuân L + Phan Thị D theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành CG523389, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: CH08132, cơ quan cấp: UBND thành phố H, tỉnh Quảng Bình cấp ngày 22/05/2017 (Tờ bản đồ số: 112; Thửa đất số: 127). Tài sản trên được thế chấp bảo đảm cho khoản vay đã nêu tại Hợp đồng thế chấp bất động sản để bảo đảm việc thực hiện nghĩa vụ của người khác số 200/2017/HĐTC ký ngày 09/06/2017.

Tài sản thứ hai: toàn bộ hiện trạng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, tọa lạc tại Thôn Q, xã N, huyện QN, tỉnh Quảng Bình. Tài sản thuộc quyền sở hữu và sử dụng của Ông/Bà Phan Mậu L + Đoàn Thị L theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành BV941236, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: CH00265, cơ quan cấp: UBND huyện QN, tỉnh Quảng Bình cấp ngày 10/12/2014 (Tờ bản đồ số: 11; Thửa đất số: 711). Tài sản trên được thế chấp bảo đảm cho khoản vay đã nêu tại Hợp đồng thế chấp bất động sản để bảo đảm việc thực hiện nghĩa vụ của người khác số 155/2017/HĐTC ký ngày 21/04/2017.

Tài sản thứ ba: toàn bộ hiện trạng chiếc xe ô tô tải nhãn hiệu TMT, biển kiểm soát 73C-072.80. Tài sản thuộc quyền sở hữu của Công ty TNHH sản xuất và thương mại dịch vụ N theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 011839 do Phòng cảnh sát giao thông công an tỉnh Quảng Bình cấp ngày 14/04/2017 (Số khung: 110TG1A00060; Số máy: 110516552522). Tài sản trên được thế chấp bảo đảm cho khoản vay đã nêu tại Hợp đồng thế chấp phương tiện vận tải số 154/2017/HĐTC ký ngày 20/04/2017.

Đến thời điểm hiện nay Công ty TNHH sản xuất và thương mại dịch vụ N vẫn chưa thanh toán nợ cho Ngân hàng. Trước khi nợ đến hạn trả nợ và sau khi phát sinh nợ quá hạn, Ngân hàng đã nhiều lần thông báo cho bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nhưng đến nay bị đơn vẫn chưa thanh toán nợ cho Ngân hàng. Tính đến ngày 17/01/2019: Tổng số tiền nợ gốc là: 579.570.024 đồng; số tiền lãi là: 81.075.414 đồng. Tổng cộng số tiền gốc + lãi phải trả tính đến ngày 17/01/2019 là: 660.645.438 đồng.

Vì vậy, Ngân hàng TMCP SCB đề nghị Tòa án Nhân dân Thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình giải quyết những vấn đề sau:

Buộc Công ty TNHH sản xuất và thương mại dịch vụ N phải trả số tiền tại Hợp đồng tín dụng số LD1710900421 ngày 19/04/2017 và các Giấy nhận nợ: LD1716300356 ngày 12/06/2017, LD1716700368 ngày 16/06/2017, LD1718000383 ngày 29/06/2017, LD1712400511 ngày 04/05/2017, LD1711400389 ngày 24/04/2017 với tổng số tiền phải trả tính đến ngày 17/01/2019 là: 660.645.438 đồng; trong đó nợ gốc là: 579.570.024 đồng ; nợ lãi là: 81.075.414 đồng. Yêu cầu Công ty TNHH sản xuất và thương mại dịch vụ N phải trả tiền lãi phát sinh theo lãi suất tại Hợp đồng tín dụng và các giấy nhận nợ trên kể từ ngày 18/01/2019 cho đến khi trả hết nợ gốc.

Trong trường hợp Công ty TNHH sản xuất và thương mại dịch vụ N không trả được số tiền trên thì Ngân hàng có quyền xử lý các tài sản bảo đảm nghĩa vụ thi hành án Ngân hàng TMCP SCB được toàn quyền quyết định thứ tự xử lý tài sản theo thỏa thuận tại Hợp đồng thế chấp.

Tại bản tự khai ngày 10/7/2018 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Phan Thị D trình bày:

Chị và anh Hà Xuân L là vợ chồng; chị thừa nhận chồng chị đại diện cho Công ty TNHH sản xuất và thương mại N có vay tại Ngân hàng TMCP SCB tại Hợp đồng tín dụng số LD1710900421 ngày 19/04/2017 và các Giấy nhận nợ: LD1716300356 ngày 12/06/2017, LD1716700368 ngày 16/06/2017, LD1718000383 ngày 29/06/2017, LD1712400511 ngày 04/05/2017, LD1711400389 ngày 24/04/2017 với tổng số tiền là: 601.679.379 đồng; trong đó nợ gốc là: 579.570.024 đồng; nợ lãi là: 22.109.355 đồng. Để đảm bảo khoản vay đó vợ chồng chúng tôi có thế chấp: Tài sản

thuộc quyền sở hữu và sử dụng mang tên Hà Xuân L và Phan Thị D theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành CG523389, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: CH08132, cơ quan cấp: UBND thành phố H, tỉnh Quảng Bình cấp ngày 22/05/2017 (Tờ bản đồ số: 112; Thửa đất số: 127). Tài sản trên được thế chấp bảo đảm cho khoản vay đã nêu tại Hợp đồng thế chấp bất động sản để bảo đảm việc thực hiện nghĩa vụ của người khác số 200/2017/HĐTC ký ngày 09/06/2017, được Văn phòng công chứng HV chứng nhận ngày 09/06/2017, số công chứng 3186 quyển số 01TP/CC-SCC/HĐGD; đã được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất Thành phố H ngày 12/06/2017, vào sổ tiếp nhận hồ sơ: Quyển số 07A, số thứ tự 001401. Vì làm ăn khó khăn nên anh L chưa có điều kiện để trả nợ cho ngân hàng. Bản thân tôi cũng đã nhiều lần tìm các biện pháp để trả nợ cho Ngân hàng; hiện nay tôi cũng đang tìm người để bán miếng đất trả nợ cho ngân hàng, mong Ngân hàng cho tôi một thời gian. Nếu vi phạm thì ngân hàng có quyền phát mại tài sản của vợ chồng chúng tôi.

Tại bản tự khai ngày 11/7/2018 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phan Mậu L và bà Đoàn Thị L trình bày:

Vừa qua vợ chồng chúng tôi có cho con rễ là Hà Xuân L – giám đốc Công ty TNHH sản xuất và thương mại N thế chấp toàn bộ hiện trạng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, tại Thôn Q, xã N, huyện QN, tỉnh Quảng Bình. Tài sản thuộc quyền sở hữu và sử dụng của vợ chồng tôi Phan Mậu L + Đoàn Thị L theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành BV941236, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: CH00265, cơ quan cấp: UBND huyện QN, tỉnh Quảng Bình cấp ngày 10/12/2014 (Tờ bản đồ số: 11; Thửa đất số: 711). Tài sản trên được thế chấp bảo đảm cho khoản vay đã nêu tại Hợp đồng thế chấp bất động sản để bảo đảm việc thực hiện nghĩa vụ của người khác số 155/2017/HĐTC ký ngày 21/04/2017, được UBND xã N chứng thực ngày 21/04/2017, số chứng thực 47/2017 quyển số 01/2017 TP/CC-SCT/HĐGD; đã được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện QN ngày 21/04/2017, vào sổ tiếp nhận hồ sơ: Quyển số 01, số thứ tự 1905. Vì làm ăn thua lỗ nên con rễ của tôi là Hà Xuân L chưa có điều kiện để trả nợ. Bản thân vợ chồng chúng tôi cũng đã nhiều lần tìm nhiều biện pháp để trả nợ. Chúng tôi mong Ngân hàng cho tôi một thời gian, nếu vi phạm Ngân hàng có quyền phát mại tài sản.

Trong thời hạn chuẩn bị xét xử vụ án, Tòa án đã nhiều lần tổ chức phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và phiên hòa giải để các bên đương sự tự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án, nhưng người đại diện theo pháp luật của bị đơn Công ty TNHH sản xuất và thương mại dịch vụ N; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Hà Xuân L, chị Phan Thị D, ông Phan Mậu L và bà Đoàn Thị L không có mặt

nên các bên đương sự không tự thỏa thuận được. Vì vậy, Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo qui định của pháp luật.

Tại phiên tòa:

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện về yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Công ty TNHH sản xuất và thương mại dịch vụ N phải trả cho Ngân hàng TMCP SCB với tổng số tiền phải trả tính đến ngày 17/01/2019 là: 660.645.438 đồng; trong đó nợ gốc là: 579.570.024 đồng; nợ lãi là: 81.075.414 đồng.

Đại diện bị đơn Công ty TNHH sản xuất và thương mại dịch vụ N; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Hà Xuân L, chị Phan Thị D, ông Phan Mậu L và bà Đoàn Thị L vắng mặt nên không có lời trình bày, ý kiến tại phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đồng Hới phát biểu quan điểm:

- Việc tuân theo pháp luật: Trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm HĐXX nghị án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân theo các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Vụ án thụ lý đúng thẩm quyền và đúng quan hệ pháp luật; xác định đầy đủ và đúng tư cách những người tham gia tố tụng; lập hồ sơ và thu thập chứng cứ đầy đủ, cấp, tống đạt các văn bản tố tụng cho Viện kiểm sát và những người tham gia tố tụng đúng quy định; gửi Quyết định đưa vụ án ra xét xử và gửi hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát nghiên cứu đúng quy định. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã tiến hành đúng và đầy đủ thủ tục của phiên tòa sơ thẩm theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Đối với việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã triệu tập, tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cũng như tại phiên tòa đại diện bị đơn Công ty TNHH sản xuất và thương mại dịch vụ Nam L; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều vắng mặt. Tòa án đã tiến hành cấp, tống đạt các quyết định tố tụng theo đúng quy định. Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo quy định khoản 2 Điều 227 BLTTDS.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 317, 318, 320, 321, 322, 323, 463, 465. 466, 470 Bộ luật Dân sự 2015; Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 306 Luật Thương mại năm 2005; Điều 166, 167, 179 Luật đất đai năm 2013 tuyên: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn trả tổng số tiền: 660.645.438 đồng, trong đó nợ gốc 579.570.024 đồng và tiền lãi 81.075.414 đồng tính đến ngày 17/01/2018. Từ ngày 18/01/2019 đến khi trả hết nợ gốc, hàng tháng bị đơn còn phải chịu thêm khoản lãi phát sinh trên số nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất nợ quá hạn mà các bên đã thỏa thuận trong

hợp đồng tín dụng số LD1710900421 ngày 19/04/2017 và Thỏa thuận sửa đổi, bổ sung Hợp đồng tín dụng số 01-LD1710900421 ngày 12/06/2017 và các giấy nhận nợ số LD1716300356 ngày 12/06/2017, LD1716700368 ngày 16/06/2017, LD1718000383 ngày 29/06/2017, LD1712400511 ngày 04/05/2017, LD1711400389 ngày 24/04/2017.

Trường hợp bị đơn không trả được nợ thì nguyên đơn có quyền yêu cầu xử lý các tài sản thế chấp được nêu tại các Hợp đồng thế chấp bất động sản để đảm bảo việc thực hiện nghĩa vụ của người khác số 200/2017/HĐTC ngày 09/6/2017 và số 155/2017/HĐTC ngày 21/4/2017 và Hợp đồng thế chấp phương tiện vận tải số 154/2017/HĐTC ngày 20/4/2017.

Buộc bị đơn phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật, hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp cho nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1]. Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật tranh chấp: Bị đơn Công ty TNHH sản xuất và thương mại dịch vụ N có địa chỉ trụ sở tại: Tổ dân phố 4, phường B, thành phố H, tỉnh Quảng Bình căn cứ điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a, khoản 1, Điều 39 của Bộ Luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình. Ngân hàng TMCP SCB khởi kiện yêu cầu Công ty TNHH sản xuất thương mại và dịch vụ N trả số tiền gốc và lãi theo hợp đồng tín dụng số LD1710900421 ngày 19/04/2017 thỏa thuận bổ sung HĐ ngày 12/6/2018 để bổ sung vốn kinh doanh; Ngân hàng SCB và Công ty TNHH sản xuất và thương mại dịch vụ N là các tổ chức có đăng ký kinh doanh, mục đích kinh doanh có lợi nhuận, đây là tranh chấp hợp đồng tín dụng phát sinh trong hoạt động kinh doanh thương mại theo qui định tại khoản 1 Điều 30 BLTTDS.

[1.2] Về sự vắng mặt của bị đơn; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập các bên đương sự đến Tòa án để tiến hành các thủ tục giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật, Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đã đến Tòa án làm bản tự khai tham gia phiên họp công khai, tiếp cận chứng cứ và hòa giải theo giấy triệu tập của Tòa án; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã đến Tòa án làm bản tự khai. Tuy nhiên đối với bị đơn đại diện Công ty TNHH sản xuất và thương mại dịch vụ N anh Hà Xuân L không đến Tòa án làm bản tự khai và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều vắng mặt tại các lần Tòa án triệu tập sau đó. Để có căn cứ giải quyết vụ án, Tòa án đã gửi giấy triệu tập qua đường bưu điện và tống đạt trực tiếp và tiến hành lập biên bản giao nhận Thông báo thụ lý vụ án và giấy triệu tập đương sự cũng

như thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải đối với bị đơn Công ty TNHH sản xuất và thương mại dịch vụ N và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nhưng vẫn cố tình vắng mặt tại các buổi làm việc do Tòa án triệu tập. Quá trình giải quyết Tòa án đã tiến hành xác minh tại chính quyền địa phương nơi bị đơn cư trú thì Công ty TNHH sản xuất và thương mại dịch vụ N có trụ sở tổ dân phố 4, phường B, thành phố H, tỉnh Quảng Bình nhưng hiện nay công ty không hoạt động tại địa phương, đại diện công ty là ông Hà Xuân L có hộ khẩu thường trú tại thôn T, xã N, huyện QN, tỉnh Quảng Bình đi đâu làm gì gia đình và chính quyền địa phương không rõ.

Ngày 17/8/2018 Ngân hàng TMCP SCB có đơn đề nghị Tòa án " Thông báo triệu tập đương sự trên phương tiện thông tin đại chúng". Tòa án ra Thông báo triệu tập đương sự trên phương tiện thông tin đại chúng số 241/2018/TB-DS ngày 17/8/2018 gửi Tòa soạn báo Công Lý, Trung tâm Quảng cáo và dịch vụ truyền thông Đa phương tiện Đài tiếng nói Việt Nam; Cổng Thông tin điện tử Tòa án theo quy định tại Điều 180 BLTTDS. Để đảm bảo thời hạn giải quyết vụ án Tòa án ra Quyết định tạm đình chỉ giải quyết vụ án số 08/2018/QĐST-KDTM ngày 20/8/2018 với nội dung: Chờ kết quả thông báo của Tòa soạn báo Công Lý, Trung tâm Quảng cáo và dịch vụ truyền thông Đa phương tiện Đài tiếng nói Việt Nam; Cổng Thông tin điện tử Tòa án.

Ngày 12/12/2018 Tòa án ra quyết định tiếp tục giải quyết vụ án kinh doanh thương mại số 60/QĐST-KDTM. Do vắng mặt bị đơn; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nên vụ án thuộc trường hợp không thể tiến hành hòa giải được, vì vậy Tòa án chỉ tiến hành phiên họp công khai về kiểm tra giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ với sự có mặt của nguyên đơn đồng thời ban hành Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 105a/2018/QĐST-KDTM ngày 12/12/2018 và tiến hành niêm yết tại địa bàn nơi bị đơn Công ty TNHH sản xuất và thương mại dịch vụ N có trụ sở, nơi người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan cư trú. Ngày 21/12/2018 Tòa án mở phiên tòa sơ thẩm, tuy nhiên bị đơn đại diện Công ty TNHH sản xuất và thương mại dịch vụ N; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa lần thứ nhất không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1, Điều 227 Bộ Luật tố tụng Dân sự ra quyết định hoãn phiên tòa số 58/2018/QĐST-KDTM ngày 21/12/2018 và ấn định thời gian mở lại phiên tòa vào ngày 17/01/2019 đồng thời tiến hành thủ tục niêm yết Quyết định hoãn phiên tòa và các văn bản tố tụng tại Tổ dân phố và trụ sở UBND phường nơi bị đơn Công ty TNHH sản xuất và thương mại dịch vụ N có trụ sở, nơi người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan cư trú. Tuy nhiên tại phiên tòa lần thứ hai bị đơn đại diện Công ty TNHH sản xuất và thương mại dịch vụ N vắng mặt không có lý do, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Phan Thị D; ông Phan Mậu L và bà Đoàn Thị L có đơn xin xử vắng mặt. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại điểm b, khoản 2, Điều 227 của Bộ Luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn

Công ty TNHH sản xuất và thương mại dịch vụ N và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

[2] Về nội dung:

[2.1] Ngân hàng TMCP SCB ký hợp đồng tín dụng với Công ty TNHH sản xuất và thương mại dịch N đúng với chức năng hoạt động của ngân hàng thương mại quy định tại Điều 98 Luật tổ chức tín dụng và quyết định số 1627/2011/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001 của Thống đốc ngân hàng Nhà nước về ban hành Quy chế cho vay của các tổ chức tín dụng đối với khách hàng. Các bên ký kết hợp đồng hoàn toàn tư nguyện, không khiếu nại nội dung hợp đồng. Vì vậy, hợp đồng tín dụng trên có giá trị pháp lý và buộc các bên phải thi hành.

[2.2] Xét yêu cầu của Ngân hàng TMCP SCB yêu cầu Công ty TNHH sản xuất và thương mại dịch vụ N trả khoản tiền gốc và lãi theo hợp đồng đã ký kết: Ngân hàng đã thực hiện hợp đồng, giải ngân cho Công ty TNHH sản xuất và thương mại dịch vụ N, dư nợ đến ngày 07/5/2018 là: 579.570.024 đồng. Trong quá trình vay Công ty TNHH sản xuất và thương mại dịch vụ N vi phạm nghĩa vụ thanh toán, tính đến ngày 17/01/2019 Công ty TNHH sản xuất và thương mại dịch vụ N còn nợ Ngân hàng tổng cộng là: 660.645.438 đồng; số tiền 579.570.024 đồng; số tiền lãi là: 81.075.414 đồng. Nên ngân hàng yêu cầu công ty TNHH sản xuất và thương mại dịch vụ N phải trả số tiền nợ gốc, lãi trong hạn, lãi quá hạn là đúng quy định tại Điều 463, 465, 466, 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 306 Luật thương mại năm 2005.

[2.3] Đối với hợp đồng thế chấp:

Để đảm bảo khoản tiền vay, giữa Ngân hàng TMCP SCB và Công ty TNHH sản xuất và thương mại dịch vụ N đã ký các Hợp đồng thế chấp bất động sản và Hợp đồng thế chấp phương tiện vận tải sau:

Tài sản thứ nhất: Toàn bộ hiện trạng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, tại Phường B, thành phố H, tỉnh Quảng Bình. Tài sản thuộc quyền sở hữu và sử dụng của Ông/Bà Hà Xuân L + Phan Thị D theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành CG523389, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: CH08132, cơ quan cấp: UBND thành phố H, tỉnh Quảng Bình cấp ngày 22/05/2017 (Tờ bản đồ số: 112; Thửa đất số: 127). Tài sản trên được thế chấp bảo đảm cho khoản vay đã nêu tại Hợp đồng thế chấp bất động sản để bảo đảm việc thực hiện nghĩa vụ của người khác số 200/2017/HĐTC ký ngày 09/06/2017, được Văn phòng công chứng HV chứng nhận ngày 09/06/2017, số công chứng 3186 quyển số 01TP/CC-SCC/HĐGD; đã được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất Thành phố Đồng Hới ngày 12/06/2017, vào sổ tiếp nhận hồ sơ: Quyển số 07A, số thứ tự 001401. Tình trạng tài sản trên được xác nhận sử dụng ổn định, nguồn gốc được nhà nước

giao đất có thu tiền, quy hoạch phù hợp; không bị lấn chiếm, tranh chấp; các hướng tiếp giáp quyền sử dụng đất được xác định: Phía Đông Bắc giáp đường quy hoạch 7m; phía Đông Nam giáp thửa đất ở 89; phía Tây Nam giáp R3 = 1.0m; phía Tây Bắc giáp thửa 126, thuộc lô B16.

Tài sản thứ hai: Toàn bộ hiện trạng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, tọa lạc tại Thôn Q, xã N, huyện QN, tỉnh Quảng Bình. Tài sản thuộc quyền sở hữu và sử dụng của Ông/Bà Phan Mậu L + Đoàn Thị L theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành BV941236, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: CH00265, cơ quan cấp: UBND huyện QN, tỉnh Quảng Bình cấp ngày 10/12/2014 (Tờ bản đồ số: 11; Thửa đất số: 711). Tài sản trên được thế chấp bảo đảm cho khoản vay đã nêu tại Hợp đồng thế chấp bất động sản để bảo đảm việc thực hiện nghĩa vụ của người khác số 155/2017/HĐTC ký ngày 21/04/2017, được UBND xã Hàm Ninh chứng thực ngày 21/04/2017, số chứng thực 47/2017 quyển số 01/2017 TP/CC-SCT/HĐGD; đã được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện Quảng Ninh ngày 21/04/2017, vào sổ tiếp nhận hồ sơ: Quyển số 01, số thứ tự 1905. Tình trạng tài sản trên được xác nhận sử dụng ổn định, nguồn gốc được nhà nước giao đất có thu tiền, quy hoạch phù hợp; không bị lấn chiếm, tranh chấp; các hướng tiếp giáp quyền sử dụng đất được xác định: Phía Đông Đông giáp đường giao thông; phía Tây: Giáp đất ông Trần Văn T; phía Nam: Giáp đường giao thông; phía Bắc: Giáp mương thoát nước.

Tài sản thứ ba: Toàn bộ hiện trạng chiếc xe ô tô tải nhãn hiệu TMT, biển kiểm soát 73C-072.80. Tài sản thuộc quyền sở hữu của Công ty TNHH sản xuất và thương mại dịch vụ N theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 011839 do Phòng cảnh sát giao thông công an tỉnh Quảng Bình cấp ngày 14/04/2017 (Số khung: 110TG1A00060; Số máy: 110516552522). Tài sản trên được thế chấp bảo đảm cho khoản vay đã nêu tại Hợp đồng thế chấp phương tiện vận tải số 154/2017/HĐTC ký ngày 20/04/2017, được Phòng công chứng số 1 tỉnh Quảng Bình chứng nhận ngày 20/04/2017, số công chứng 1386 quyển số 04TP/CC-SCC/HĐGD; đã được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Trung tâm đăng ký giao dịch tài sản tại Thành phố Đà Nẵng ngày 21/04/2017, số đơn đăng ký 1246448103. Qua xác minh hiện nay xe ô tô đang thuộc diện quản lý, sử dụng của chủ sở hữu là Công ty TNHH sản xuất và thương mại dịch vụ N.

Hội đồng xét xử thấy rằng, tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đã được là Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được UBND thành phố H, tỉnh Quảng Bình cấp ngày 22/05/2017 (Tờ bản đồ số: 112; Thửa đất số: 127) mang tên anh Hà Xuân L, chị Phan Thị D. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được UBND huyện QN, tỉnh Quảng Bình cấp ngày 10/12/2014 (Tờ bản đồ số: 11; Thửa đất số: 711) mang tên Phan Mậu L, bà Đoàn Thị L. Theo quy định về việc cấp

Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất và được công chứng theo trình tự quy định tại Điều 40, 53, 54 của Luật Công chứng năm 2014. Như vậy, trình tự thủ tục của các Hợp đồng thế chấp tài sản nêu trên, công chứng viên đã thực hiện việc công chứng đúng theo quy định của pháp luật. Tài sản nhà đất của anh L, chị D; của ông L, bà L nên anh L – chị D; ông L – bà L có quyền tự định đoạt tài sản của mình. Theo các Hợp đồng thế chấp bất động sản để đảm bảo việc thực hiện nghĩa vụ của người khác số 200/2017/HĐTC ngày 09/6/2017 ký kết giữa Ngân hàng và anh L, chị D; Hợp đồng số 155/2017/HĐTC ngày 21/4/2017 ký kết giữa ông L, bà L và Hợp đồng thế chấp phương tiện vận tải số 154/2017/HĐTC ngày 20/4/2017 được ký kết giữa Ngân hàng và Công ty TNHH sản xuất và thương mại dịch vụ N, dại diện anh Hà Xuân L thì anh L – Chị D; ông L – bà L; anh Hà Xuân L – giám đốc làm đại diện của Công ty TNHH sản xuất và thương mại dịch vụ N đã ký vào hợp đồng thế chấp, các hợp đồng thế chấp đã được công chứng. Các hợp đồng thế chấp tài sản trên đảm bảo đúng quy định tại Điều 317, 318, 320, 321, 322 và Điều 323 Bộ luật Dân sự năm 2015. Ngoài ra các Hợp đồng thế chấp bất động sản để đảm bảo việc thực hiện nghĩa vụ của người khác số 200/2017/HĐTC ngày 09/6/2017 ký kết giữa Ngân hàng và anh L, chị D; Hợp đồng số 155/2017/HĐTC ngày 21/4/2017 ký kết giữa ông L, bà L đảm bảo đúng theo các quy định tại Điều 166, 167, 179 Luật đất đai năm 2013. Các hợp đồng thế chấp tài sản trên đã bảo đảm đúng quy định pháp luật buộc các bên ký kết có nghĩa vụ thi hành. Trong trường hợp Công ty TNHH sản xuất và thương mại N không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản đảm bảo để thu hồi nợ theo quy định.

[2.4] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng là có căn cứ, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng buộc:

Công ty TNHH sản xuất và thương mại dịch vụ N phải có nghĩa vụ trả tiền cho Ngân hàng TMCP SCB số tiền tính đến ngày ngày 17/01/2019 tổng cộng là: 660.645.438 đồng; trong đó số tiền gốc: 579.570.024 đồng; số tiền lãi là: 81.075.414 đồng. Trong trường hợp Công ty TNHH sản xuất và thương mại dịch vụ N không trả hết số nợ gốc và lãi trên cho Ngân hàng thì bên thế chấp tài sản là Công ty TNHH sản xuất và thương mại dịch vụ N; Anh Hà Xuân L, chị Phan Thị D và ông Phan Mậu L, bà Đoàn Thị L phải thực hiện các nghĩa vụ với Ngân hàng tại các hợp đồng thế chấp đã ký kết.

[3]. Về án phí: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

Do yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng được chấp nhận nên bị đơn Công ty TNHH sản xuất và thương mại dich vụ N phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm có giá ngạch để sung quỹ Nhà nước: 20.000.000 đồng + 4% phần giá trị tranh chấp vượt quá 400.000.000 đồng. Cụ thể: 20.000.000 đồng + 4%(của số tiền vượt quá 400.000.000 đồng là 260.645.438 đồng = 10.425.818 đồng) = 30.425.818 đồng.

Ngân hàng TMCP SCB không phải chịu án phí. Hoàn trả lại cho Ngân hàng TMCP SCB số tiền tạm ứng án phí 14.034.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000522 ngày 18/5/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự;

Áp dụng Điều 317, 318, 320, 321, 322, 323, 463, 465, 466, 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 306 Luật thương mại năm 2005; Điều 166, 167, 179 Luật đất đai năm 2013.

Căn cứ Điều 26 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc " Tranh chấp hợp đồng tín dụng" của Ngân hàng SCB với Công ty TNHH sản xuất và thương mại dịch vụ N.

2. Buộc Công ty TNHH sản xuất và thương mại dịch vụ N phải trả nợ cho Ngân hàng TMCP SCB tính đến ngày 17/01/2019 với tổng số tiền: 660.645.438 đồng; trong đó số tiền gốc: 579.570.024 đồng; số tiền lãi là: 81.075.414 đồng (lãi trong hạn: 7.056.028 đồng; lãi quá hạn: 74.019.386 đồng).

Từ ngày 18/01/2019 cho đến khi trả hết nợ gốc, hàng tháng Công ty TNHH sản xuất và thương mại dịch vụ N còn phải chịu thêm khoản lãi phát sinh trên số nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất quá hạn mà các bên đã thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng số: LD1710900421 ngày 19/04/2017 và Thỏa thuận sửa đổi, bổ sung Hợp đồng tín dụng số 01-LD1710900421 ngày 12/06/2017 và các giấy nhận nợ số LD1716300356 ngày 12/06/2017, LD1716700368 ngày 16/06/2017, LD1718000383 ngày 29/06/2017, LD1712400511 ngày 04/05/2017, LD1711400389 ngày 24/04/2017 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này.

3. Tài sản bảo đảm để thi hành nghĩa vụ thi hành án gồm các Hợp đồng thế chấp bất động sản là quyền sử dụng đất và Hợp đồng thế chấp phương tiện vận tải sau:

Tài sản thứ nhất: Toàn bộ hiện trạng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, tại Phường B, thành phố H, tỉnh Quảng Bình. Tài sản thuộc quyền sở hữu và sử dụng của Ông/Bà Hà Xuân L + Phan Thị D theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành CG523389, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: CH08132, cơ quan cấp: UBND thành phố H, tỉnh Quảng Bình cấp ngày 22/05/2017 (Tờ bản đồ số: 112; Thửa đất số: 127). Tài sản trên được thế chấp bảo đảm cho khoản vay đã nêu tại Hợp đồng thế chấp bất động sản để bảo đảm việc thực hiện nghĩa vụ của người khác số 200/2017/HĐTC ký ngày 09/06/2017, được Văn phòng công chứng Hải Vượng chứng nhận ngày 09/06/2017, số công chứng 3186 quyển số 01TP/CC-SCC/HĐGD; đã được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất Thành phố Đồng Hới ngày 12/06/2017, vào sổ tiếp nhận hồ sơ: Quyển số 07A, số thứ tự 001401.

Tài sản thứ hai: Toàn bộ hiện trạng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, tọa lạc tại Thôn Qu, xã N, huyện QN, tỉnh Quảng Bình. Tài sản thuộc quyền sở hữu và sử dụng của Ông/Bà Phan Mậu L + Đoàn Thị L theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành BV941236, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: CH00265, cơ quan cấp: UBND huyện QN, tỉnh Quảng Bình cấp ngày 10/12/2014 (Tờ bản đồ số: 11; Thửa đất số: 711). Tài sản trên được thế chấp bảo đảm cho khoản vay đã nêu tại Hợp đồng thế chấp bất động sản để bảo đảm việc thực hiện nghĩa vụ của người khác số 155/2017/HĐTC ký ngày 21/04/2017, được UBND xã Hàm Ninh chứng thực ngày 21/04/2017, số chứng thực 47/2017 quyển số 01/2017 TP/CC-SCT/HĐGD; đã được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện QN ngày 21/04/2017, vào sổ tiếp nhận hồ sơ: Quyển số 01, số thứ tự 1905.

Tài sản thứ ba: Toàn bộ hiện trạng chiếc xe ô tô tải nhãn hiệu TMT, biển kiểm soát 73C-072.80. Tài sản thuộc quyền sở hữu của Công ty TNHH sản xuất và thương mại dịch vụ Nam L theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 011839 do Phòng cảnh sát giao thông công an tỉnh Quảng Bình cấp ngày 14/04/2017 (Số khung: 110TG1A00060; Số máy: 110516552522). Tài sản trên được thế chấp bảo đảm cho khoản vay đã nêu tại Hợp đồng thế chấp phương tiện vận tải số 154/2017/HĐTC ký ngày 20/04/2017, được Phòng công chứng số 1 tỉnh Quảng Bình chứng nhận ngày 20/04/2017, số công chứng 1386 quyển số 04TP/CC-SCC/HĐGD; đã được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Trung tâm đăng ký giao dịch tài sản tại Thành phố Đà Nẵng ngày 21/04/2017, số đơn đăng ký 1246448103.

Sau khi án có hiệu lực pháp luật, bên được thi hành án Ngân hàng TMCP SCB có đơn yêu cầu thi hành án và yêu cầu xử lý tài sản thế chấp để thực hiện nghĩa vụ trả nợ tiền vay. Ngân hàng TMCP SCB – Chi nhánh Quảng Bình là nơi đang lưu giữ giấy tờ về tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp tài sản nói trên chịu trách nhiệm

chuyển giao các giấy tờ về tài sản thế chấp cho Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đồng Hới để xử lý theo Luật thi hành án Dân sự.

4. Án phí kinh doanh thương mại:

Công ty TNHH sản xuất và thương mại dịch vụ N phải chịu nộp 30.425.818 đồng để sung quỹ Nhà nước.

Hoàn trả lại cho Ngân hàng TMCP SCB số tiền tạm ứng án phí 14.034.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000522 ngày 18/5/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án Dân sự.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn, những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND TP Đồng Hới;
- Chi cục THADS TP Đồng Hới;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Nguyễn Thị Mỹ Lệ